

UBND XÃ YÊN BÀI
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN BÀI



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài

Tên Tác giả : Nguyễn Thị Ngọc
Đơn vị công tác : Trường Tiểu học Yên Bài
Chức vụ : Phó Hiệu trưởng

NĂM HỌC: 2025 – 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng Khoa học ngành GDĐT thành phố Hà Nội.

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nơi công tác | Chức danh | Trình độ chuyên môn | Tên sáng kiến |
|-----------------|---------------------|-------------------|-----------------|---------------------|--|
| Nguyễn Thị Ngọc | 22/02/1984 | Trường TH Yên Bài | Phó Hiệu trưởng | Đại học | Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài |

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Quản lý

- Tên sáng kiến đề nghị công nhận: Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài.

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu: từ tháng 8/2025

- Mô tả bản chất của sáng kiến: Sáng kiến **“Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài”** là hệ thống các biện pháp quản lý - chỉ đạo nhằm tổ chức, điều hành và kiểm soát việc ứng dụng CNTT trong nhà trường theo hướng đồng bộ - thực chất - bền vững, góp phần nâng cao chất lượng với các biện pháp cụ thể sau:

Biện pháp 1: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo lộ trình rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể.

Biện pháp 2: Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng thực hành - hỗ trợ tại chỗ - phát triển bền vững.

Biện pháp 3: Chỉ đạo xây dựng kho học liệu số và tổ chức dạy học ứng dụng CNTT theo hướng phát huy năng lực học sinh.

Biện pháp 4: Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá và quản lý hồ sơ chuyên môn bằng công cụ số đảm bảo an toàn thông tin trong nhà trường.

Biện pháp 5: Chỉ đạo tăng cường đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất - thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số.

Biện pháp 6: Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh trong chuyển đổi số, xây dựng môi trường giáo dục số an toàn cho học sinh.

- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): Không
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Cán bộ, giáo viên, học sinh
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

+ Về chất lượng chuyên môn số tiết dạy có ứng dụng CNTT tăng rõ rệt. Học sinh hứng thú học tập, tích cực tham gia các hoạt động tương tác. Giáo viên chủ động xây dựng bài giảng điện tử, phiếu học tập số, video minh họa.

+ Về công tác quản lý: Nhà trường giảm đáng kể hồ sơ giấy, tăng hiệu quả lưu trữ và báo cáo. Thông tin chỉ đạo, kế hoạch chuyên môn được triển khai nhanh chóng qua nền tảng số. Công tác kiểm tra nội bộ thuận lợi, minh chứng rõ ràng.

Sáng kiến “Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài” đã góp phần nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giảm mạnh số giáo viên hạn chế CNTT, tăng tỷ lệ giáo viên thành thạo, đồng thời giúp việc quản lý và dạy học được đổi mới, hiệu quả hơn.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Yên Bài, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Người yêu cầu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN BÀI
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN BÀI

BẢN MÔ TẢ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến: Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài.

Tác giả: Nguyễn Thị Ngọc

1. Thực trạng:

* Các vấn đề tồn tại trước khi thực hiện sáng kiến:

Trong những năm gần đây, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý và dạy học là yêu cầu tất yếu trong ngành giáo dục. Tuy nhiên, tại Trường Tiểu học Yên Bài, việc ứng dụng CNTT của giáo viên trước khi thực hiện sáng kiến còn nhiều hạn chế:

Năng lực CNTT của giáo viên chưa đồng đều, một bộ phận giáo viên còn lúng túng trong sử dụng phần mềm, thiết bị dạy học.

Việc ứng dụng CNTT chủ yếu dừng ở trình chiếu PowerPoint, chưa phát huy được tính tương tác và hiệu quả thực chất.

Kho học liệu số dùng chung chưa phong phú, giáo viên lưu trữ rời rạc trong máy cá nhân hoặc chia sẻ qua Zalo/USB nên dễ thất lạc, thiếu kế thừa, trùng lặp. Công tác kiểm tra đánh giá vẫn chủ yếu theo cách truyền thống, ít sử dụng công cụ số, giáo viên mất nhiều thời gian thống kê, báo cáo.

* Sau thời gian triển khai từ tháng 8/2025 đến tháng 3/2026, sáng kiến đã tạo ra những chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý và dạy học tại Trường Tiểu học Yên Bài. Hiệu quả của sáng kiến được thể hiện thông qua các chỉ số định lượng cụ thể về năng lực số của giáo viên, mức độ số hóa hồ sơ, số lượng học liệu số được xây dựng và kết quả học tập của học sinh.

Sáng kiến đã góp phần hình thành môi trường làm việc số trong nhà trường, nâng cao năng lực chuyển đổi số của đội ngũ giáo viên, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học và từng bước xây dựng văn hóa số trong hoạt động giáo dục. Đặc biệt, mô hình “3T” (Tổ chức theo kế hoạch - Tập huấn phân hóa - Theo dõi bằng sản phẩm số) và mô hình “Giáo viên nòng cốt - Cập đôi công nghệ” đã chứng minh được hiệu quả trong thực tiễn, phù hợp với điều kiện của các trường tiểu học khu vực nông thôn, miền núi và có khả năng nhân rộng trong toàn địa phương.

* Lý do thực hiện sáng kiến: Xuất phát từ yêu cầu chuyển đổi số ngành giáo dục và thực tiễn tại nhà trường, việc xây dựng các biện pháp chỉ đạo phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT là nhiệm vụ cấp thiết. Sáng kiến được thực hiện nhằm khắc phục tình trạng triển khai CNTT thiếu đồng bộ, thiếu hệ thống; đồng thời tạo nền tảng để nhà trường quản lý hiệu quả, dạy học hiện đại và phát triển năng lực số cho giáo viên, học sinh.

2. Nội dung sáng kiến

*** Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp cụ thể để giải quyết thực trạng.**

Sáng kiến đề xuất hệ thống các biện pháp chỉ đạo mang tính đồng bộ, có lộ trình và có kiểm tra đánh giá thường xuyên, gồm các nhóm biện pháp chính sau:

Biện pháp 1: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT - chuyển đổi số theo lộ trình rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể.

Biện pháp 2: Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng thực hành - hỗ trợ tại chỗ - phát triển bền vững.

Biện pháp 3: Chỉ đạo xây dựng kho học liệu số và tổ chức dạy học ứng dụng CNTT theo hướng phát huy năng lực học sinh.

Biện pháp 4: Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá và quản lý hồ sơ chuyên môn bằng công cụ số đảm bảo an toàn thông tin trong nhà trường.

Biện pháp 5: Chỉ đạo tăng cường đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất - thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số.

Biện pháp 6: Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh trong chuyển đổi số, xây dựng môi trường giáo dục số an toàn cho học sinh

- Tính mới, tính tiên tiến

Sáng kiến không chỉ tập trung vào việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mà xây dựng được mô hình quản lý chuyển đổi số toàn diện trong nhà trường theo mô hình “3T” gồm:

+ Tổ chức theo kế hoạch số hóa đồng bộ: xây dựng lộ trình chuyển đổi số theo từng giai đoạn, từng nhiệm vụ cụ thể, gắn trách nhiệm đến từng cá nhân, bộ phận.

+ Tập huấn theo hướng phân hóa năng lực: giáo viên được phân nhóm theo trình độ CNTT để bồi dưỡng phù hợp; thực hiện mô hình “Giáo viên nòng cốt - Cặp đôi công nghệ” nhằm hỗ trợ trực tiếp giáo viên còn hạn chế.

+ Theo dõi bằng sản phẩm số: đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT không chỉ qua dự giờ mà bằng các sản phẩm cụ thể như bài giảng số, học liệu số, bài kiểm tra trực tuyến, hồ sơ số và minh chứng chuyển đổi số.

Điểm mới nổi bật của sáng kiến là chuyển từ việc ứng dụng CNTT mang tính cá nhân, tự phát sang mô hình quản trị số có hệ thống, có kiểm tra, đánh giá và duy trì bền vững. Bên cạnh đó, sáng kiến đã đưa trí tuệ nhân tạo (AI) vào hỗ trợ giáo viên trong thiết kế học liệu, xây dựng hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, phù hợp với xu thế chuyển đổi số ngành giáo dục hiện nay.

- Tính khả thi (khả năng áp dụng vào thực tiễn công tác)

Sáng kiến có tính khả thi cao vì phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trường Tiểu học Yên Bài có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng trong đó có giáo viên trẻ và giáo viên nòng cốt có thể hỗ trợ đồng nghiệp. Nhà trường đã có hệ thống thiết bị CNTT cơ bản như máy tính, máy chiếu, tivi, mạng Internet, đáp ứng yêu cầu triển khai.

Các phần mềm sử dụng trong sáng kiến đều phổ biến, miễn phí hoặc chi phí thấp (Google Drive, Google Form, Quizizz, Wordwall, Canva...), dễ triển khai. Đặc biệt, nội dung sáng kiến có lộ trình rõ ràng, tập huấn theo hướng thực hành và có sản phẩm đầu ra, nên giáo viên dễ tiếp cận và áp dụng lâu dài.

Biện pháp tổ chức theo lộ trình, có phân công trách nhiệm rõ ràng, có kiểm tra đánh giá định kỳ nên dễ triển khai và duy trì lâu dài. Có thể nhân rộng cho các trường tiểu học khác trên địa bàn xã Yên Bài và các xã lân cận.

3. Kết quả của sáng kiến

3.1. Kết quả về năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giáo viên

Trước khi thực hiện sáng kiến, năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên chưa đồng đều, nhiều giáo viên còn hạn chế trong việc thiết kế học liệu số, xây dựng bài kiểm tra trực tuyến và lưu trữ hồ sơ điện tử. Sau khi áp dụng các biện pháp bồi dưỡng, hỗ trợ theo nhóm, yêu cầu sản phẩm số và đưa tiêu chí CNTT vào thi đua, năng lực số của giáo viên đã cải thiện rõ rệt.

3.2. Kết quả về hồ sơ số, kho học liệu số và đổi mới hoạt động dạy học:

Việc quản lý hồ sơ số, xây dựng kho học liệu số và chỉ đạo giáo viên chia sẻ tài nguyên theo khối lớp, môn học đã giúp học liệu được hệ thống hóa, thuận lợi trong khai thác và sử dụng. Giáo viên có điều kiện đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính trực quan, sinh động, góp phần nâng cao hứng thú học tập của học sinh.

Nhà trường đã xây dựng được kho dữ liệu dùng chung trên nền tảng lưu trữ trực tuyến, phân loại rõ theo từng mảng công việc như: kế hoạch năm học, hồ sơ chuyên môn, kế hoạch dạy học, lịch báo giảng,...

3.3. Kết quả tác động đến học sinh

Nhờ ứng dụng CNTT trong dạy học, học sinh hứng thú học tập hơn, chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm, tương tác và từng bước hình thành kỹ năng học tập số phù hợp lứa tuổi.

4. Đánh giá phạm vi ảnh hưởng của Sáng kiến:

Sáng kiến có thể nhân rộng và áp dụng tại các trường học trên địa bàn xã Yên Bài cũng như các địa phương lân cận. Các biện pháp được đề xuất có tính quản lý, chỉ đạo phổ biến và dễ triển khai. Nội dung sáng kiến phù hợp với mô hình trường tiểu học trong giai đoạn hiện nay. Sáng kiến không đòi hỏi kinh phí lớn, chủ yếu tận dụng thiết bị sẵn có và nguồn lực con người.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Yên Bài, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Người viết sáng kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. TÍNH CẤP THIẾT PHẢI TIẾN HÀNH SÁNG KIẾN

Trong giai đoạn hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Ngành Giáo dục đang tích cực triển khai chương trình chuyển đổi số, hướng tới xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý nhà trường và đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Vì vậy, việc ứng dụng CNTT và thực hiện chuyển đổi số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Tuy nhiên, qua thực tế công tác tại Trường Tiểu học Yên Bài, tôi nhận thấy hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học tuy đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa thật sự đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng sử dụng phần mềm dạy học; việc khai thác thiết bị công nghệ chưa thường xuyên; học liệu số còn ít, chưa được xây dựng thành hệ thống; việc lưu trữ hồ sơ, minh chứng vẫn còn mang tính thủ công; công tác kiểm tra, đánh giá trực tuyến chưa được thực hiện rộng rãi. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về năng lực số giữa các giáo viên cũng gây khó khăn trong việc triển khai đồng bộ các hoạt động chuyển đổi số trong toàn trường.

Trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, cùng với nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, phát huy năng lực đội ngũ và nâng cao chất lượng dạy học, việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp chỉ đạo phù hợp nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại nhà trường là vô cùng cần thiết.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tôi mạnh dạn lựa chọn và thực hiện đề tài sáng kiến kinh nghiệm: **“Một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài.”**

II. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Sáng kiến được thực hiện nhằm đề xuất và áp dụng một số biện pháp chỉ đạo phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại Trường Tiểu học Yên Bài. Thông qua đó, nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành nhà trường và đổi mới hoạt động dạy học theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Cụ thể, sáng kiến hướng tới các mục đích sau:

Nâng cao nhận thức, năng lực ứng dụng CNTT và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao hứng thú học tập và hiệu quả tiếp thu kiến thức của học sinh.

Thúc đẩy số hóa công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, minh chứng, góp phần giảm hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường.

Xây dựng kho học liệu số, hồ sơ số và môi trường làm việc số, tạo điều kiện để giáo viên chia sẻ, khai thác học liệu dùng chung, nâng cao chất lượng chuyên môn.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh thông qua các công cụ số, hướng tới đánh giá khách quan, kịp thời và chính xác.

III. THỜI GIAN ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1. Thời gian nghiên cứu: năm học 2025-2026

2. Đối tượng nghiên cứu: Công tác chỉ đạo, điều hành ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường.

3. Phạm vi nghiên cứu: Giáo viên, nhân viên và học sinh Trường Tiểu học Yên Bài.

B. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

I. HIỆN TRẠNG VẤN ĐỀ:

1. Vài nét về trường Tiểu học Yên Bài.

Trường Tiểu học nơi tôi công tác là một trong các trường thuộc khu vực miền núi nơi đa số là người dân tộc thiểu số. Cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, tuy nhiên nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương. Bước đầu CSVN được đầu tư đổi đồng bộ, chất lượng dạy và học được nâng cao, nhà trường đã được cải tạo, sơn sửa trong các năm 2024 và 2025. Đến nay, nhà trường đã trở thành một ngôi trường khá khang trang.

Trường có 50 CB, GV, NV trong đó: (Quản lý: 02 đ/c, nhân viên văn phòng: 09 đ/c, Giáo viên: 39 đ/c. CBGV nhân viên đạt chuẩn trở lên, nhiệt tình trong công tác, đoàn kết và phối hợp tốt trong thực hiện nhiệm vụ.

1.1. Ưu điểm:

Trong những năm gần đây việc ứng dụng CNTT trong các nhà trường được các cấp quan tâm và chú trọng: Kế hoạch thực hiện năm học hàng năm của Sở đều đề cập đến nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số. UBND xã có kế hoạch cụ thể về công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã Yên Bài (Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/7/2025).

Trường Tiểu học Yên Bài được sự quan tâm của Đảng ủy, Chính quyền xã Yên Bài, các ban ngành, đoàn thể trong xã, nhất là sự phối hợp chặt chẽ giữa ban

đại diện phụ huynh học sinh với nhà trường ngay từ đầu năm học 2025-2026 trường đã được nhận 8 chiếc Tivi phục vụ công tác dạy và học. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần đoàn kết và giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ. Đầu năm 2025 trường Tiểu học Yên Bài được công nhận lại trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, đạt Kiểm định chất lượng mức độ 2.

Trường Tiểu học Yên Bài là một trong những trường có nhiều khó khăn trong công tác giáo dục, tuy nhiên những năm gần đây chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng khởi sắc. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học cũng được đặc biệt quan tâm, từ việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, bổ sung và sửa chữa, lắp thêm mạng Internet... Tổ chức, tham gia các chuyên đề, tập huấn các phần mềm dạy học, tập huấn CSDL, khung năng lực số,... (100% cán bộ, GV, nhân viên tham gia tập huấn)

1.2. Nhược điểm:

Khả năng sử dụng CNTT của một số giáo viên, nhân viên gặp nhiều hạn chế dẫn đến việc phát huy ứng dụng CNTT gặp rất nhiều khó khăn. Trường có địa bàn rộng, có 3 khu khoảng cách mỗi khu 3-4 km vì vậy nhà trường cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác chỉ đạo quản lý.

Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy hiện nay, vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

2. Chất lượng học sinh trước khi thực hiện đề tài.

- Chất lượng và số lượng học sinh tham gia cuộc thi Tài năng Tin học trẻ quốc tế thành phố Hà Nội

| Năm học | Số HS tham gia thi cấp trường | Số HS tham gia đạt giải cấp huyện | Số HS tham gia đạt giải cấp thành phố |
|----------------|--------------------------------------|--|--|
| 2024-2025 | 45 | 3 giải Khuyến khích | 0 |

3. Hiện trạng và vấn đề ứng dụng CNTT và CDS trong quản lý và dạy học tại nhà trường.

3.1. Khả năng ứng dụng CNTT giáo viên.

Nhận thức và khả năng tiếp cận, ứng dụng các phần mềm về CNTT của một bộ phận CB, GV, NV còn hạn chế. Cụ thể:

- Nhiều giáo viên, nhân viên còn tâm lý e ngại khi tiếp cận công nghệ mới trong công việc của mình cũng như nhà trường, không muốn học hỏi và cũng không thấy được lợi ích thực sự của nó do chưa hiểu hết, trong khi đó tốn kém rất nhiều cho đầu tư ban đầu về học tập, mua máy tính, máy in, phí kết nối mạng Internet và các chi phí kèm theo. Nhà trường nhiều giáo viên tuổi cao không đáp ứng yêu cầu cho chuyển đổi số (tuổi bình quân của cán bộ giáo viên cao, 23/39 giáo viên của nhà trường trên 45 tuổi).

- Chính từ việc giảng dạy thông qua các phần mềm, dạy trình chiếu PowerPoint, ... đòi hỏi người thầy giáo phải mất nhiều thời gian truy cập, học hỏi, tìm tòi các nội dung kiến thức ứng dụng vào bài dạy, điều kiện công tác của mình. Vẫn còn giáo viên ngại thay đổi.

Bảng 1: Thực trạng năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên (đầu năm học 2025–2026)

| Nội dung khảo sát | Tổng số GV khảo sát | Thành thạo | Đạt mức cơ bản | Hạn chế |
|--|---------------------|------------|----------------|------------|
| Soạn bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva) | 39 | 8 (20,5%) | 22 (56,4%) | 9 (23,1%) |
| Thiết kế bài kiểm tra online (Google Form/Quizizz) | 39 | 8 (20,5%) | 10 (25,6%) | 23 (59%) |
| Sử dụng phần mềm dạy học, AI tương tác | 39 | 6 (15,4%) | 18 (46,1%) | 15 (38,5%) |

Kết quả khảo sát trên cho thấy kỹ năng CNTT của giáo viên chưa đồng đều, số giáo viên hạn chế chiếm tỷ lệ cao, đặc biệt ở nội dung kiểm tra đánh giá trực tuyến và phần mềm tương tác.

3.2. Cơ sở hạ tầng.

- Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet cho nhà trường, giáo viên, học sinh tương đối ổn định, đồng bộ, nhiều gia đình học sinh có máy tính kết nối Internet.

- Hệ thống máy móc cũ nên vận hành còn chậm, đường truyền mạng không ổn định, kỹ năng xử lý của cán bộ giáo viên chưa thành thạo nên đôi khi giáo viên không thực hiện được ý tưởng của mình làm cho hiệu quả công việc, tiết dạy thấp.

- Khi lưu trữ các nội dung chưa khoa học, khó tìm kiếm, tài liệu không được mã hoá nên khi có sự cố khó khắc phục, tìm kiếm. Nhiều tính năng từ máy tính chưa được khai thác nên sử dụng còn nhiều bất cập.

Nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy học và công tác quản lý nhà trường lại đặt ra cho cán bộ, giáo viên yêu cầu phải sử dụng máy tính, ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động, triển khai phần mềm quản lý trường học trực tuyến, kết nối nhà trường với phụ huynh, sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử,... Tham gia các hệ thống CNTT như: PCGD XMC, EMIS, EQMS, triển khai quản lý hành chính điện tử; Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; phần mềm phổ cập ...; Các ứng dụng: Email; Zalo ...; Các phần mềm dạy học, hội họp trực tuyến: Zoom; Teams; hoặc Google Meet trên ứng dụng Gmail... tích cực triển khai dịch vụ công trực tuyến (phục vụ phụ huynh, học sinh, giáo viên, ..); xét tuyển đầu cấp; kết nối nhà trường - phụ huynh. Sử dụng một số phần mềm thấy hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao: tiện lợi, nhanh, khoa học và chính xác.

II. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

Trên cơ sở phân tích thực trạng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại Trường Tiểu học Yên Bài, tôi đã nghiên cứu, lựa chọn và triển khai một số biện pháp chỉ đạo mang tính đồng bộ, phù hợp điều kiện thực tế nhà trường, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và bền vững. Các biện pháp tập trung vào ba trụ cột: **(1) nâng cao năng lực số cho đội ngũ; (2) số hóa quản lý nhà trường; (3) đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá thông qua CNTT.**

Biện pháp 1: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo lộ trình rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể

Mục tiêu: Xây dựng hệ thống kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số bài bản, tránh làm theo phong trào. Đảm bảo công tác triển khai có người phụ trách, có tiến độ, có sản phẩm cụ thể. Tạo nền tảng để triển khai đồng bộ các hoạt động quản lý và dạy học trên môi trường số.

1. Nội dung biện pháp

Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT theo năm học, học kỳ và từng tháng.

Thành lập tổ chuyển đổi số của nhà trường.

Phân công nhiệm vụ rõ ràng theo lĩnh vực: quản lý dữ liệu, thiết bị, học liệu số, bồi dưỡng giáo viên, kiểm tra đánh giá số.

Đưa tiêu chí ứng dụng CNTT vào đánh giá thi đua giáo viên và tổ chuyên môn.

2. Cách thức thực hiện

Bước 1: Khảo sát thực trạng đầu năm:

Ngay từ đầu năm học, Ban giám hiệu tổ chức khảo sát thực trạng thiết bị CNTT và năng lực số của đội ngũ giáo viên. Nội dung khảo sát tập trung vào Mức độ thành thạo soạn bài giảng điện tử. Khả năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy

học. Khả năng thiết kế bài kiểm tra trực tuyến. Kỹ năng lưu trữ dữ liệu, hồ sơ trên môi trường số. Thông qua khảo sát, nhà trường có cơ sở xác định điểm mạnh, điểm yếu và lựa chọn nội dung ưu tiên cần triển khai.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo lộ trình.

Căn cứ nhiệm vụ năm học và điều kiện thực tế, Ban giám hiệu chỉ đạo xây dựng kế hoạch theo nguyên tắc có mục tiêu cụ thể cho từng học kỳ, có chỉ tiêu rõ ràng theo tháng, có sản phẩm yêu cầu đối với giáo viên và tổ chuyên môn.

Kế hoạch được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trọng tâm như:

- Tập huấn chuyên đề ứng dụng CNTT.
- Xây dựng kho học liệu số theo khối lớp.
- Tổ chức dạy học ứng dụng CNTT theo chuyên đề.
- Thực hiện số hóa hồ sơ và minh chứng.
- Đổi mới kiểm tra đánh giá, báo cáo bằng công cụ số.

Bước 3: Thành lập tổ chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ:

Nhà trường thành lập tổ chuyển đổi số gồm Ban giám hiệu (chỉ đạo chung), tổ trưởng chuyên môn (phụ trách chuyên môn và triển khai ở tổ), giáo viên nòng cốt CNTT (hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, xây dựng học liệu), nhân viên thiết bị (phụ trách hồ sơ, dữ liệu quản lý). Phân công nhiệm vụ theo phương châm: “Rõ người - rõ việc - rõ tiến độ - rõ sản phẩm.”

Bước 4: Tổ chức triển khai và kiểm tra định kỳ:

Ban giám hiệu triển khai kế hoạch tới toàn thể giáo viên trong hội nghị đầu năm và sinh hoạt chuyên môn. Đồng thời thực hiện kiểm tra theo định kỳ: Kiểm tra hàng tháng qua báo cáo tổ chuyên môn. Kiểm tra sản phẩm CNTT của giáo viên (bài giảng số, đề kiểm tra online, học liệu số). Đánh giá tiến độ xây dựng kho học liệu của tổ/khối. Những giáo viên thực hiện tốt được tuyên dương, nhân rộng; giáo viên hạn chế được hỗ trợ kèm cặp.

3. Điểm mới của biện pháp

Không chỉ dừng ở “khuyến khích” mà chỉ đạo bằng kế hoạch có lộ trình và tiêu chí rõ ràng.

Mỗi nhiệm vụ đều gắn với sản phẩm cụ thể, có kiểm tra và đánh giá.

Tổ chức phân công theo chuyên trách, tránh chồng chéo và làm hình thức.

Biện pháp 2: Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng thực hành - hỗ trợ tại chỗ - phát triển bền vững:

Mục tiêu: Nâng cao năng lực sử dụng CNTT của giáo viên, đảm bảo tất cả giáo viên đều có thể ứng dụng CNTT trong dạy học. Hình thành đội ngũ giáo viên nòng cốt có khả năng hỗ trợ, kèm cặp đồng nghiệp. Tạo sự chuyển biến từ “thực hiện mang tính hình thức” sang “làm thành thạo, làm hiệu quả”.

1. Nội dung biện pháp

Bồi dưỡng kỹ năng số theo chuyên đề thiết thực, sát nhu cầu. Tập huấn theo nhóm đối tượng, tránh dàn trải. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học có ứng dụng CNTT. Đánh giá giáo viên qua sản phẩm số cụ thể.

2. Cách thức thực hiện

Bước 1: Phân nhóm giáo viên theo năng lực số: Từ kết quả khảo sát, Ban giám hiệu phân nhóm giáo viên thành 3 nhóm:

Nhóm 1: Giáo viên hạn chế (cần kèm cặp)

Nhóm 2: Giáo viên đạt mức cơ bản

Nhóm 3: Giáo viên thành thạo (nòng cốt)

Mỗi nhóm được giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng để tránh áp lực và tạo động lực phát triển.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo mô hình “mỗi tháng một chuyên đề”. Nhà trường triển khai các chuyên đề theo hướng ngắn gọn, thiết thực, dễ áp dụng như:

Soạn bài giảng điện tử bằng PowerPoint/Canva.

Thiết kế bài giảng tương tác bằng Word Wall, Liveworksheets.

Thiết kế bài kiểm tra online bằng Google Form, Quizizz.

Tạo học liệu số (video ngắn, hình ảnh minh họa, phiếu học tập điện tử).

Ứng dụng AI (ChatGPT, Gemini...) để hỗ trợ thiết kế hoạt động dạy học.

Quản lý dữ liệu cá nhân và tổ chuyên môn trên Drive/OneDrive, hồ sơ điện tử <https://hsdttruong.qlgd.edu.vn/>.

Mỗi chuyên đề đều có hướng dẫn thực hành và sản phẩm yêu cầu cuối buổi.

Bước 3: Tổ chức bồi dưỡng theo hình thức “cầm tay chỉ việc”:

Thay vì tập huấn lý thuyết, nhà trường chỉ đạo thực hiện theo phương thức: Giáo viên được hướng dẫn trực tiếp trên máy tính. Giáo viên nòng cốt hỗ trợ theo nhóm nhỏ. Sau tập huấn, giáo viên hoàn thành ngay 01 sản phẩm và nộp vào kho học liệu chung.

Bước 4: Xây dựng mô hình “giáo viên hỗ trợ giáo viên”:

Ban giám hiệu chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng mô hình “cặp đôi công nghệ”. 1 giáo viên nòng cốt hỗ trợ 1–2 giáo viên hạn chế. Hướng dẫn trực tiếp trong quá trình soạn giảng, tạo đề kiểm tra, lưu trữ dữ liệu. Qua đó giúp giáo viên yếu dần tự tin và tiến bộ rõ rệt.

Bước 5: Đánh giá bằng sản phẩm và đưa vào tiêu chí thi đua:

Giáo viên được đánh giá không chỉ qua dự giờ mà qua sản phẩm CNTT bài giảng số, học liệu số, hồ sơ số, sản phẩm minh chứng lớp học số. Ban giám hiệu đưa các tiêu chí này vào đánh giá thi đua, cuối kỳ tổng hợp và công khai minh bạch.

3. Điểm mới của biện pháp

Bồi dưỡng theo hướng cá nhân hóa, phù hợp từng nhóm giáo viên.

Đánh giá bằng sản phẩm số cụ thể, tránh tập huấn hình thức.

Tạo đội ngũ nòng cốt và cơ chế hỗ trợ nội bộ bền vững.

Biện pháp 3: Chỉ đạo xây dựng kho học liệu số và tổ chức dạy học ứng dụng CNTT theo hướng phát huy năng lực học sinh.

Mục tiêu: Tạo nguồn học liệu số dùng chung, phục vụ dạy học lâu dài. Giúp giáo viên khai thác hiệu quả thiết bị công nghệ trong lớp học. Tăng sự hứng thú học tập, phát triển kỹ năng tự học và năng lực số cho học sinh.

1. Nội dung biện pháp

Xây dựng kho học liệu số theo từng khối lớp, môn học.

Chỉ đạo giáo viên thiết kế bài giảng số và sử dụng phần mềm tương tác trong dạy học.

Tổ chức tiết dạy minh họa, hội giảng chuyên đề ứng dụng CNTT.

Phát triển hình thức học tập kết hợp (trực tiếp kết hợp số hóa học liệu).

2. Cách thức thực hiện

Bước 1: Thiết lập kho học liệu số của nhà trường:

Ban giám hiệu chỉ đạo xây dựng kho học liệu số chung theo cấu trúc khoa học: Khối 1 → Khối 5 Mỗi khối gồm: Kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử, bài giảng Elearning, sáng kiến kinh nghiệm, đề kiểm tra, nội dung khác.... Kho học liệu được đặt trên Google Drive/OneDrive, trên Website nhà trường và phân quyền rõ ràng.

Bước 2: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học gắn CNTT:

Ban giám hiệu hướng dẫn giáo viên sử dụng CNTT theo hướng hỗ trợ phương pháp dạy học tích cực như:

Trò chơi học tập (Wordwall, Quizizz)

Trình chiếu trực quan (Canva, PowerPoint)

Video minh họa thí nghiệm, bài học (YouTube học tập)

Phiếu học tập điện tử (Liveworksheets, Google Form)

Việc ứng dụng CNTT phải đảm bảo nguyên tắc đúng mục tiêu bài học - phù hợp lứa tuổi - tránh lạm dụng trình chiếu.

Bước 3: Tổ chức Hội giảng và nhân rộng điển hình:

Nhà trường tổ chức các tiết dạy minh họa cấp trường theo chuyên đề dạy học Toán ứng dụng CNTT, dạy học Tiếng Việt qua học liệu số, dạy học phát triển năng lực qua trò chơi trực tuyến, dạy học STEM kết hợp video. Sau Hội giảng tổ chức rút kinh nghiệm, chia sẻ học liệu, nhân rộng cách làm hiệu quả.

3. Điểm mới của biện pháp

Kho học liệu số được chuẩn hóa, có phân loại theo môn/khối, không rời rạc. Dạy học CNTT gắn với đổi mới phương pháp, lấy học sinh làm trung tâm.

Biện pháp 4: Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá và quản lý hồ sơ chuyên môn bằng công cụ số đảm bảo an toàn thông tin trong nhà trường:

Mục tiêu: Giúp Giảm hồ sơ giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý. Tăng tính chính xác và nhanh chóng trong tổng hợp báo cáo. Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng ứng dụng CNTT phù hợp với học sinh tiểu học. Nâng cao ý thức và kỹ năng bảo mật thông tin cho cán bộ, giáo viên.

1. Nội dung biện pháp

Số hóa hồ sơ chuyên môn, hồ sơ quản lý.

Tổ chức kiểm tra đánh giá bằng công cụ trực tuyến phù hợp.

Xây dựng hệ thống minh chứng số phục vụ kiểm tra nội bộ và thi đua.

Tập huấn kỹ năng quản lý dữ liệu và bảo mật thông tin. Kiểm tra định kỳ việc thực hiện và duy trì hoạt động ổn định.

2. Cách thức thực hiện

Bước 1: Chuẩn hóa hệ thống hồ sơ điện tử:

Ban giám hiệu chỉ đạo các tổ chuyên môn thống nhất danh mục hồ sơ số cần lưu trữ: Kế hoạch giáo dục năm học; Kế hoạch bài dạy; Kế hoạch tổ chuyên môn; Sổ chủ nhiệm/ Sổ nhật ký; Minh chứng hoạt động giáo dục. Nhà trường thống nhất cách đặt tên file, cách lưu trữ và phân quyền. trên trang website hồ sơ chung của nhà trường <https://hstdttruong.qlgd.edu.vn/>

Bước 2: Thực hiện “báo cáo số” thay thế báo cáo giấy:

Giáo viên và tổ chuyên môn gửi báo cáo theo mẫu thống nhất qua Drive hoặc email nội bộ. Các biểu mẫu báo cáo được thực hiện bằng Google Form, Google Sheet trang tính giúp tổng hợp nhanh và chính xác.

Bước 3: Tổ chức kiểm tra đánh giá bằng công cụ số:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên ứng dụng Google Form/Quizizz trong các hoạt động kiểm tra thường xuyên theo bài/chủ đề, kiểm tra khảo sát chất lượng, ôn tập cuối kỳ, trò chơi củng cố kiến thức.

Kết quả đánh giá được lưu lại, thuận lợi cho phân tích dữ liệu học sinh.

Bước 4: Ban hành quy chế bảo mật và tuyên truyền an toàn thông tin

Nhà trường xây dựng quy chế đảm bảo an toàn thông tin, trong đó yêu cầu không chia sẻ tài khoản cá nhân, đặt mật khẩu mạnh, đổi mật khẩu định kỳ, không mở các file lạ, đường link không rõ nguồn gốc, không đăng tải thông tin học sinh lên mạng khi chưa được phép. Tổ chức cho giáo viên ký cam kết thực hiện nghiêm túc quy định bảo mật.

Bước 5: Tập huấn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện

Nhà trường tổ chức tập huấn cho giáo viên kỹ năng lưu trữ dữ liệu trên <https://hsdttuong.qlgd.edu.vn/>. Chia sẻ tài liệu đúng phân quyền. Sao lưu dữ liệu, phục hồi file bị xóa. Phòng tránh rủi ro an ninh mạng.

3. Điểm mới của biện pháp

Nhà trường từng bước xây dựng mô hình số hoá hồ sơ và kho minh chứng số khoa học. Xây dựng kho dữ liệu số dùng chung theo cấu trúc thống nhất toàn trường, đảm bảo dễ lưu trữ - dễ chia sẻ - dễ kiểm tra - dễ truy xuất minh chứng.

Thiết lập quy chế quản trị dữ liệu số và phân quyền truy cập rõ ràng, khắc phục tình trạng lưu trữ tùy tiện, thất lạc hồ sơ, thiếu minh chứng khi kiểm tra.

Báo cáo thống kê nhanh, giảm thời gian tổng hợp dữ liệu.

Kiểm tra đánh giá có lưu trữ dữ liệu, dễ theo dõi tiến bộ của học sinh.

Kết hợp quản lý dữ liệu với yêu cầu bảo mật và an toàn thông tin, giúp giáo viên hình thành thói quen sử dụng tài khoản số an toàn, hạn chế rủi ro lộ lọt dữ liệu học sinh. Đưa việc số hóa hồ sơ vào quy trình quản lý nội bộ và đánh giá thi đua, đảm bảo chuyển đổi số được duy trì thường xuyên, không mang tính thời vụ.

Biện pháp 5: Chỉ đạo tăng cường đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất - thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số.

Mục tiêu: Nhằm bảo đảm cơ sở vật chất CNTT đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong dạy học và quản lý. Khai thác tối đa thiết bị hiện có, tránh lãng phí, hạn chế hư hỏng. Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên thường xuyên ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

1. Nội dung thực hiện

Rà soát, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị CNTT trong nhà trường.

Xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, nâng cấp theo lộ trình.

Ban hành quy định sử dụng, bảo quản thiết bị.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc khai thác thiết bị của giáo viên.

2. Cách thực hiện

Bước 1: Kiểm kê và phân loại thiết bị CNTT

Ngay từ đầu năm học, Ban giám hiệu chỉ đạo bộ phận phụ trách thiết bị phối hợp với tổ chuyên môn tiến hành kiểm kê toàn bộ thiết bị CNTT của nhà trường (máy tính, laptop, máy in, máy chiếu, tivi, loa, thiết bị wifi...). Thiết bị được phân loại theo 3 mức: thiết bị sử dụng tốt, thiết bị cần sửa chữa/bảo dưỡng, thiết bị hỏng, cần thay mới. Kết quả kiểm kê được lập thành bảng tổng hợp làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch đầu tư - sửa chữa theo nhu cầu thực tế

Căn cứ số liệu kiểm kê và yêu cầu nhiệm vụ năm học, Ban giám hiệu chỉ đạo xây dựng kế hoạch sửa chữa và bổ sung thiết bị theo lộ trình, trong đó ưu tiên

lớp học chưa có thiết bị trình chiếu, phòng máy, phòng chức năng phục vụ dạy học Tin học. Thiết bị mạng internet, wifi nhằm đảm bảo đường truyền ổn định. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp trên và vận động xã hội hóa hợp lý để bổ sung thiết bị thiết yếu.

Bước 3: Phân công trách nhiệm quản lý thiết bị rõ ràng

Nhà trường phân công cụ thể nhân viên thiết bị chịu trách nhiệm quản lý tổng thể, cập nhật sổ theo dõi. Giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm sử dụng và bảo quản thiết bị tại lớp. Tổ trưởng chuyên môn phối hợp giám sát, kiểm tra việc khai thác thiết bị. Đồng thời, xây dựng sổ theo dõi hoặc biểu mẫu điện tử ghi rõ thời gian sử dụng, tình trạng thiết bị trước và sau khi dùng.

Bước 4: Hướng dẫn giáo viên sử dụng thiết bị đúng quy trình

Ban giám hiệu chỉ đạo tổ CNTT tổ chức hướng dẫn giáo viên các thao tác cơ bản như: Kết nối máy tính với tivi/máy chiếu. Sử dụng loa, micro, trình chiếu. Kết nối mạng wifi, khắc phục lỗi thông thường. Bảo quản thiết bị đúng quy định. Giáo viên hạn chế được hỗ trợ trực tiếp để nâng cao khả năng sử dụng thiết bị.

Bước 5: Chỉ đạo đưa việc khai thác thiết bị vào hoạt động chuyên môn thường xuyên.

Ban giám hiệu chỉ đạo các tổ chuyên môn lồng ghép yêu cầu sử dụng thiết bị CNTT vào kế hoạch dạy học. Giáo viên được định hướng sử dụng thiết bị đúng mục tiêu bài học, tránh lạm dụng trình chiếu. Nhà trường tổ chức dự giờ, kiểm tra chuyên đề để đánh giá mức độ khai thác thiết bị và hiệu quả ứng dụng CNTT trong tiết dạy.

Bước 6: Kiểm tra, bảo trì và xử lý kịp thời thiết bị hư hỏng

Nhà trường thực hiện kiểm tra định kỳ theo tháng/quý, kịp thời sửa chữa thiết bị hỏng, tránh ảnh hưởng đến hoạt động dạy học. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường đánh giá mức độ sử dụng thiết bị của các lớp và đưa vào tiêu chí thi đua.

3. Điểm mới của biện pháp.

Chuyển từ quản lý thiết bị theo kiểu “có thiết bị để đó” sang quản lý theo cơ chế giao trách nhiệm rõ ràng, gắn trách nhiệm đến từng cá nhân, từng lớp học và từng bộ phận phụ trách.

Thiết lập quy trình kiểm kê – phân loại – bảo trì – đánh giá định kỳ, đảm bảo thiết bị được sử dụng liên tục, hạn chế hư hỏng và tránh lãng phí ngân sách. Gắn việc khai thác thiết bị CNTT với hoạt động chuyên môn, đưa vào tiêu chí dự giờ, đánh giá tiết dạy và thi đua giáo viên, tạo động lực sử dụng thiết bị thường xuyên.

Ưu tiên đầu tư theo nhu cầu thực tiễn và theo lộ trình, tránh mua sắm dàn trải; tập trung vào thiết bị thiết yếu phục vụ dạy học số và quản lý số.

Biện pháp 6: Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh trong chuyển đổi số, xây dựng môi trường giáo dục số an toàn cho học sinh.

Mục tiêu: Tăng sự đồng thuận và phối hợp của phụ huynh trong quá trình chuyển đổi số. Hỗ trợ học sinh học tập trên môi trường số hiệu quả, đúng định hướng. Nâng cao kỹ năng sử dụng thiết bị công nghệ và kỹ năng an toàn mạng cho học sinh.

1. Nội dung thực hiện

Thiết lập kênh trao đổi thông tin số giữa giáo viên và phụ huynh.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức phụ huynh về vai trò CNTT trong giáo dục.

Hướng dẫn phụ huynh đồng hành cùng con học tập số.

Giáo dục an toàn internet cho học sinh.

2. Cách thực hiện

Bước 1: Khảo sát điều kiện học tập số của học sinh tại gia đình

Đầu năm học, nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm khảo sát điều kiện học tập của học sinh như: Có thiết bị học tập (điện thoại/máy tính) hay không. Mức độ kết nối internet. Khả năng phụ huynh hỗ trợ con học trực tuyến

Kết quả khảo sát được tổng hợp để xây dựng biện pháp hỗ trợ phù hợp cho học sinh khó khăn.

Bước 2: Xây dựng kênh thông tin số thống nhất và hiệu quả

Nhà trường chỉ đạo mỗi lớp xây dựng nhóm Zalo ứng dụng liên lạc điện tử làm kênh trao đổi chính thức giữa giáo viên và phụ huynh. Quy định rõ nội dung đăng tải. Nhà trường nhắc nhở giáo viên đảm bảo văn hóa giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, tránh đăng tải thông tin nhạy cảm.

Bước 3: Tuyên truyền nâng cao nhận thức phụ huynh về chuyển đổi số trong giáo dục

Trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm và giữa kỳ, nhà trường tổ chức tuyên truyền tới cha mẹ học sinh về vai trò của CNTT trong dạy học hiện nay, lợi ích của học liệu số đối với học sinh, phụ huynh cần đồng hành, giám sát việc học tập của con. Đồng thời phát hành tài liệu hướng dẫn phụ huynh theo dạng ngắn gọn, dễ hiểu.

Bước 4: Hướng dẫn phụ huynh cách hỗ trợ con học tập trên nền tảng số. Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn phụ huynh các kỹ năng cơ bản như cách truy cập link bài học, video học tập. Cách làm bài kiểm tra online, gửi bài qua hình ảnh hoặc biểu mẫu. Cách kiểm soát thời gian sử dụng thiết bị. Cách tạo góc học tập tại nhà để con học hiệu quả. Qua đó giúp phụ huynh chủ động đồng hành cùng con.

Bước 5: Tổ chức giáo dục kỹ năng an toàn internet cho học sinh:

Chỉ đạo tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng số cho học sinh như không chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng, không truy cập trang web không phù hợp, không tải ứng dụng không rõ nguồn gốc, không sử dụng thiết bị quá thời gian quy định. Tổ chức cho phụ huynh ký cam kết phối hợp quản lý con khi sử dụng internet.

Bước 6: Duy trì phối hợp thường xuyên và đánh giá hiệu quả

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm duy trì trao đổi với phụ huynh định kỳ. Cuối học kỳ tổ chức khảo sát nhanh để đánh giá mức độ hài lòng của phụ huynh và điều chỉnh phương thức phối hợp cho phù hợp.

3. Điểm mới của biện pháp

Mở rộng chuyển đổi số từ phạm vi nhà trường sang gia đình, hình thành mô hình phối hợp “Nhà trường - Gia đình - Học sinh” trong môi trường số.

Thiết lập kênh tương tác số hai chiều hiệu quả, giúp phụ huynh không chỉ nhận thông tin mà còn tham gia phản hồi, đồng hành và hỗ trợ con học tập.

Tăng cường giáo dục kỹ năng an toàn internet cho học sinh tiểu học, kết hợp phụ huynh ký cam kết và giám sát thực hiện, giúp giảm nguy cơ học sinh sử dụng thiết bị sai mục đích.

Thực hiện khảo sát điều kiện học tập số của học sinh, từ đó có biện pháp hỗ trợ phù hợp cho học sinh khó khăn, đảm bảo tính công bằng trong chuyển đổi số.

III. KẾT QUẢ SAU KHI ÁP DỤNG SÁNG KIẾN TẠI NHÀ TRƯỜNG

Sau khi triển khai đồng bộ các biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại Trường Tiểu học Yên Bài, hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học đã có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả thể hiện rõ ở sự tiến bộ của đội ngũ giáo viên, sự đổi mới công tác quản lý nhà trường và hiệu quả học tập của học sinh.

1. Kết quả về năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giáo viên

Trước khi thực hiện sáng kiến, năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên chưa đồng đều, nhiều giáo viên còn hạn chế trong việc thiết kế học liệu số, xây dựng bài kiểm tra trực tuyến và lưu trữ hồ sơ điện tử. Sau khi áp dụng các biện pháp bồi dưỡng, hỗ trợ theo nhóm, yêu cầu sản phẩm số và đưa tiêu chí CNTT vào thi đua, năng lực số của giáo viên đã cải thiện rõ rệt.

Bảng 1: So sánh năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên sau khi áp dụng sáng kiến:

| Nội dung khảo sát | Tổng số GV khảo sát | Thành thạo | Đạt mức cơ bản | Hạn chế |
|--|----------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Soạn bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva) | 39 | 12 (37,8%) Tăng 17,3% | 23 (59%) Tăng 2,6% | 4 (10,2%) Giảm 12,9% |
| Thiết kế bài kiểm tra online (Google Form/Quizizz) | 39 | 10 (25,6%) Tăng 5,1% | 19(48,8%) Tăng 23,2% | 10 (25,6%) Giảm 33,4% |
| Sử dụng phần mềm dạy học tương tác | 39 | 16 (41%) Tăng 25,6% | 17 (43,6%) Giảm 2,1% | 6 (15,4%) Giảm 23,1% |

Kỹ năng sử dụng phần mềm AI dạy học và thiết kế bài giảng điện tử. Điều này cho thấy việc bồi dưỡng theo hướng thực hành, có sản phẩm cụ thể và hỗ trợ tại chỗ đã mang lại hiệu quả rõ rệt. *(minh chứng phần phụ lục)*

2. Kết quả về hồ sơ số, kho học liệu số và đổi mới hoạt động dạy học:

Việc quản lý hồ sơ số, xây dựng kho học liệu số và chỉ đạo giáo viên chia sẻ tài nguyên theo khối lớp, môn học đã giúp học liệu được hệ thống hóa, thuận lợi trong khai thác và sử dụng. Giáo viên có điều kiện đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính trực quan, sinh động, góp phần nâng cao hứng thú học tập của học sinh. *(minh chứng phần phụ lục)*

Kho học liệu số được mở rộng nhanh chóng và có tính hệ thống. Các tiết dạy ứng dụng CNTT tăng rõ rệt, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực học sinh.

Sau khi thực hiện biện pháp số hóa, nhà trường đã xây dựng được kho dữ liệu dùng chung trên nền tảng lưu trữ trực tuyến, phân loại rõ theo từng mảng công việc như: kế hoạch năm học, hồ sơ chuyên môn, kế hoạch dạy học, lịch báo giảng,...

Nhờ việc phân quyền truy cập rõ ràng và quy định thống nhất cách đặt tên file, sắp xếp thư mục, các loại hồ sơ quan trọng được cập nhật thường xuyên và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc truy xuất. Việc tổng hợp báo cáo định kỳ trước đây thường mất từ 2–3 ngày, nay chỉ cần khoảng 1 buổi làm việc do dữ liệu đã được lưu trữ sẵn và dễ dàng thống kê.

Ngoài ra, việc số hóa hồ sơ còn giúp giảm đáng kể số lượng văn bản in ấn, tiết kiệm chi phí giấy, mực in và giảm áp lực lưu trữ hồ sơ giấy. Nhìn chung, số hóa công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, xây dựng phong cách làm việc khoa học, hiện đại, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

3. Kết quả tác động đến học sinh:

Nhờ ứng dụng CNTT trong dạy học, học sinh hứng thú học tập hơn, chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm, tương tác và từng bước hình thành kỹ năng học tập số phù hợp lứa tuổi.

| Nội dung | Trước khi áp dụng | Sau khi áp dụng | Mức độ Tăng/giảm |
|--|-------------------|-----------------|------------------|
| HS tham gia hoạt động học tập số | 60% | 95% | Tăng 35% |
| HS hoàn thành bài tập trực tuyến | 55% | 92% | Tăng 37% |
| HS biết sử dụng nền tảng học tập số cơ bản | 50% | 90% | Tăng 40% |

- Chất lượng và số lượng học sinh tham gia cuộc thi **Tài năng Tin học trẻ quốc tế thành phố Hà Nội**

| Năm học | Số HS tham gia thi cấp trường | Số HS tham gia đạt giải cấp xã | Số HS tham gia đạt giải cấp thành phố |
|-----------|-------------------------------|--|--|
| 2025-2026 | 48 em | 1 em đạt giải Nhất, 1 em đạt giải Nhì | 1 em tham gia dự thi đạt 918/1000 điểm |

Việc ứng dụng CNTT giúp học sinh tăng khả năng tương tác, chủ động học tập và phát triển kỹ năng số bước đầu, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục. (Minh chứng phân phụ lục)

*** Đánh giá chung:**

Hiệu quả chuyển đổi số trong nhà trường sau khi thực hiện sáng kiến

| Nội dung khảo sát | Trước thực hiện | Sau thực hiện | Mức tăng |
|--|---------------------|---------------------|---------------|
| Giáo viên sử dụng bài giảng điện tử thường xuyên | 18/39 GV (46,2%) | 36/39 GV (92,3%) | +46,1% |
| Giáo viên thiết kế bài kiểm tra trực tuyến | 8/39 GV (20,5%) | 29/39 GV (74,4%) | +53,9% |
| Giáo viên sử dụng công cụ AI hỗ trợ dạy học | 3/39 GV (7,7%) | 28/39 GV (71,8%) | +64,1% |
| Tiết dạy có ứng dụng CNTT | 35% | 85% | +50% |
| Hồ sơ chuyên môn được số hóa | 30% | 95% | +65% |
| Học liệu số trong kho dùng chung | 175 sản phẩm | 420 sản phẩm | +245 sản phẩm |
| Báo cáo chuyên môn thực hiện trực tuyến | 40% | 100% | +60% |
| Phụ huynh tham gia kết nối qua nền tảng số | 82% | 98% | +16% |

Kết quả cho thấy sáng kiến đã mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo chuyển biến tích cực trong toàn trường. Giáo viên nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, kho học liệu số phát triển mạnh, công tác quản lý được số hóa, kiểm tra đánh giá đổi mới linh hoạt, học sinh hứng thú và chủ động hơn trong học tập. Các chỉ số đều tăng đáng kể, đặc biệt là việc ứng dụng AI, số hóa hồ sơ và xây dựng kho học liệu số dùng chung. Sáng kiến có tính khả thi cao, có thể duy trì và nhân rộng trong những năm học tiếp theo

IV. HIỆU QUẢ CỦA SÁNG KIẾN

Sáng kiến đã tạo ra những chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý và dạy học tại Trường Tiểu học Yên Bài. Hiệu quả của sáng kiến được thể hiện thông qua các chỉ số định lượng cụ thể về năng lực số của giáo viên, mức độ số hóa hồ sơ, số lượng học liệu số được xây dựng và kết quả học tập của học sinh.

Sáng kiến đã góp phần hình thành môi trường làm việc số trong nhà trường, nâng cao năng lực chuyển đổi số của đội ngũ giáo viên, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học và từng bước xây dựng văn hóa số trong hoạt động giáo dục.

Điểm sáng tạo nổi bật của sáng kiến là xây dựng mô hình quản lý "3T":

- Tổ chức theo kế hoạch
- Tập huấn phân hóa
- Theo dõi bằng sản phẩm số

Mô hình “Giáo viên nòng cốt - Cập đôi công nghệ”. Hai mô hình này được tác giả xây dựng trên cơ sở thực tiễn nhà trường nhằm khắc phục tình trạng tập huấn đại trà, khó đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT. Điều đó đã chứng minh được hiệu quả trong thực tiễn, phù hợp với điều kiện của các trường tiểu học khu vực nông thôn, miền núi và có khả năng nhân rộng trong toàn địa phương.

1. Hiệu quả về khoa học

Sáng kiến đã góp phần tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số. Các biện pháp được thực hiện theo quy trình khoa học, có kế hoạch, có kiểm tra đánh giá, có sản phẩm minh chứng, do đó tạo được sự thống nhất và lan tỏa trong toàn trường, cụ thể:

- Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng và nâng cao năng lực số, sử dụng thành thạo hơn các phần mềm dạy học, công cụ thiết kế học liệu số và công cụ kiểm tra đánh giá trực tuyến.

- Việc xây dựng kho học liệu số giúp giáo viên có nguồn tài nguyên phong phú, tiết kiệm thời gian chuẩn bị bài, tăng tính trực quan và hiệu quả trong giảng dạy.

- Hoạt động kiểm tra đánh giá từng bước được đổi mới theo hướng đa dạng hình thức, có lưu trữ dữ liệu, thuận lợi cho phân tích kết quả học tập và điều chỉnh phương pháp dạy học.

- Công tác quản lý nhà trường được số hóa theo hướng khoa học: kế hoạch, báo cáo, minh chứng được lưu trữ rõ ràng, dễ truy xuất, giảm sai sót và tăng hiệu quả quản trị.

Sáng kiến đã tạo ra mô hình tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT có hệ thống, đảm bảo tính bền vững, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Hiệu quả về kinh tế

Sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt thông qua việc giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu suất lao động của cán bộ quản lý, giáo viên.

Việc số hóa hồ sơ, kế hoạch, báo cáo giúp giảm đáng kể việc in ấn giấy tờ, giảm chi phí văn phòng phẩm cho nhà trường. Hệ thống kho dữ liệu số dùng chung giúp tiết kiệm thời gian tổng hợp, lưu trữ và tìm kiếm hồ sơ, hạn chế tình trạng thất lạc, phải làm lại nhiều lần.

Việc khai thác hiệu quả thiết bị CNTT hiện có giúp tránh lãng phí, kéo dài tuổi thọ thiết bị, giảm chi phí sửa chữa và thay thế. Giáo viên tiết kiệm thời gian trong việc thiết kế bài giảng nhờ sử dụng kho học liệu số và chia sẻ tài nguyên dùng chung, từ đó nâng cao hiệu quả công việc.

Nhờ ứng dụng CNTT trong điều hành và giảng dạy, nhà trường đã nâng cao hiệu suất làm việc, giảm áp lực hồ sơ, góp phần tiết kiệm nguồn lực tài chính và thời gian. (Nhà trường giảm khoảng 70% lượng hồ sơ in ấn; giảm chi phí văn phòng phẩm khoảng 5-7 triệu đồng/năm; thời gian tổng hợp báo cáo chuyên môn giảm từ 2-3 ngày xuống còn khoảng 1 buổi làm việc).

3. Hiệu quả về xã hội

Sáng kiến đã tạo ra tác động tích cực đối với môi trường giáo dục, chất lượng dạy học và mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội.

Chất lượng dạy học được nâng cao do tiết học sinh động, trực quan, học sinh hứng thú hơn trong học tập, phát huy tính chủ động và khả năng tự học. Học sinh được tiếp cận với công nghệ thông tin phù hợp lứa tuổi, từng bước hình thành kỹ năng số, kỹ năng khai thác thông tin và kỹ năng học tập trong môi trường hiện đại.

Nhà trường xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, hiện đại, tạo niềm tin đối với phụ huynh và cộng đồng địa phương. Việc tăng cường phối hợp với phụ huynh thông qua các kênh số giúp thông tin được cập nhật kịp thời, phụ huynh đồng hành hiệu quả hơn trong việc quản lý, giáo dục con em.

Thực hiện tuyên truyền và giáo dục an toàn internet góp phần nâng cao nhận thức của học sinh và phụ huynh về sử dụng mạng an toàn, hạn chế các nguy cơ tiêu cực từ môi trường số. Qua đó, sáng kiến không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục của nhà trường mà còn góp phần thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi số ngành giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội trong giai đoạn mới.

V. TÍNH KHẢ THI

1. Khả năng áp dụng tại Trường Tiểu học Yên Bài:

Sáng kiến có tính khả thi cao vì phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trường Tiểu học Yên Bài có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng trong đó có giáo viên trẻ và giáo viên nòng cốt có thể hỗ trợ đồng nghiệp.

Nhà trường đã có hệ thống thiết bị CNTT cơ bản như máy tính, máy chiếu, tivi, mạng Internet, đáp ứng yêu cầu triển khai. Ban giám hiệu có khả năng tổ chức chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, kiểm tra đánh giá định kỳ.

Các phần mềm sử dụng trong sáng kiến đều phổ biến, miễn phí hoặc chi phí thấp (Google Drive, Google Form, Quizizz, Wordwall, Canva...), dễ triển khai. Đặc biệt, nội dung sáng kiến có lộ trình rõ ràng, tập huấn theo hướng thực hành và có sản phẩm đầu ra, nên giáo viên dễ tiếp cận và áp dụng lâu dài.

2. Khả năng áp dụng trong địa phương xã Yên Bài:

Sáng kiến có thể nhân rộng trong các trường học trên địa bàn xã Yên Bài và địa phương lân cận bởi các Biện pháp đề xuất đều mang tính quản lý chỉ đạo phổ biến, phù hợp với mô hình trường tiểu học hiện nay. Điều kiện cơ sở vật chất của các trường trong địa phương tương đối tương đồng. Đội ngũ giáo viên tại địa phương có nhu cầu cao về tập huấn CNTT và chuyển đổi số. Sáng kiến không đòi hỏi kinh phí lớn, chủ yếu tận dụng thiết bị sẵn có và nguồn lực con người. Các nội dung tập huấn, kho học liệu số và tiêu chí đánh giá có thể dùng chung cho các trường trong xã.

3. Điều kiện để áp dụng và nhân rộng sáng kiến:

Để sáng kiến được áp dụng hiệu quả và bền vững tại Trường Tiểu học Yên Bài cũng như nhân rộng tại địa phương, cần đảm bảo một số điều kiện:

- Ban giám hiệu các trường phải xây dựng kế hoạch chỉ đạo cụ thể, phân công rõ người phụ trách.
- Thành lập tổ CNTT hoặc giáo viên nòng cốt để hỗ trợ kỹ thuật.
- Có cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá thường xuyên gắn với thi đua.
- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp mạng Internet và bổ sung thiết bị cần thiết.
- Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng và chia sẻ học liệu.

Với những kết quả đạt được và điều kiện thực tế của Trường Tiểu học Yên Bài, có thể khẳng định sáng kiến có tính khả thi cao, dễ triển khai, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số giáo dục hiện nay. Nếu được áp dụng đồng bộ và thường xuyên, sáng kiến sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đồng thời có thể nhân rộng trong các trường tiểu học trên địa bàn xã Yên Bài và địa phương.

VI. THỜI GIAN, KINH PHÍ THỰC HIỆN SÁNG KIẾN

1. Thời gian: Năm học 2025-2026

2. Kinh phí: Việc thực hiện sáng kiến “Một số Biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài” chủ yếu dựa trên nguồn lực sẵn có của nhà trường và sự chủ động của đội ngũ giáo viên, các phần mềm được sử dụng đa số miễn phí, dễ triển khai do đó kinh phí không lớn. Vì vậy, sáng kiến có tính khả thi cao và phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Tiểu học Yên Bài cũng như các trường tiểu học trên địa bàn xã Yên Bài.

C. KHUYẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để việc ứng dụng CNTT đạt hiệu quả bền vững, tôi xin đề xuất:

I. ĐỐI VỚI UBND XÃ YÊN BÀI:

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, AI trong giáo dục.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất CNTT cho các trường.

II. ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG:

- Tiếp tục duy trì tổ công nghệ số hỗ trợ giáo viên.
- Thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung.
- Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT theo tiêu chí rõ ràng.

III. ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

- Tự học, tự bồi dưỡng CNTT, chủ động chia sẻ học liệu.
- Ứng dụng CNTT đúng mục đích, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Trên đây là một số biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số ở Trường Tiểu học Yên Bài trong năm học 2025 - 2026. Rất mong được sự góp ý của Hội đồng Khoa học ngành GDĐT thành phố Hà Nội.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

Yên Bài, ngày 08 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

Người viết sáng kiến

Nguyễn Thị Ngọc

PHỤ LỤC MINH CHỨNG

Sản phẩm của giáo viên sau khi chuyển biến về tư duy và động lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học.

Bài giảng dự thi Giao lưu giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn cấp thành phố của giáo viên Đỗ Thị Thanh Huyền Trường Tiểu học Yên Bài.



<https://drive.google.com/file/d/1xnJ8lRVWvkSxBqPdyVYPevtohVZUyPJO/view?usp=drivesdk>.



Bài giảng dự thi Giao lưu giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn cấp thành phố của giáo viên Đặng Thị Lan Trường Tiểu học Yên Bài.



https://drive.google.com/file/d/1Ss1W_HclmWcjuyk4-nch1ZcSX56iHNj/view?usp=drivesdk



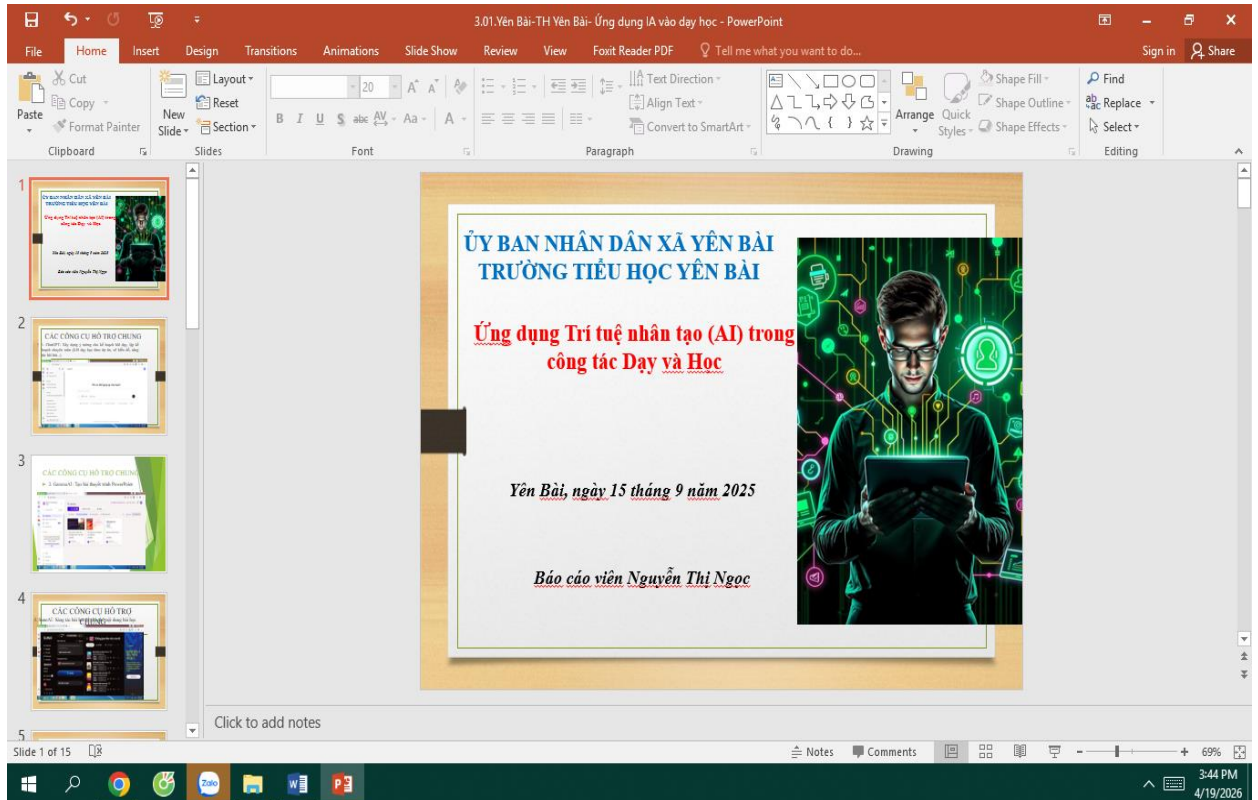
Bài giảng dự thi GVĐG xã Yên Bái. Môn Lịch sử lớp 5 của giáo viên Bùi Thị Định



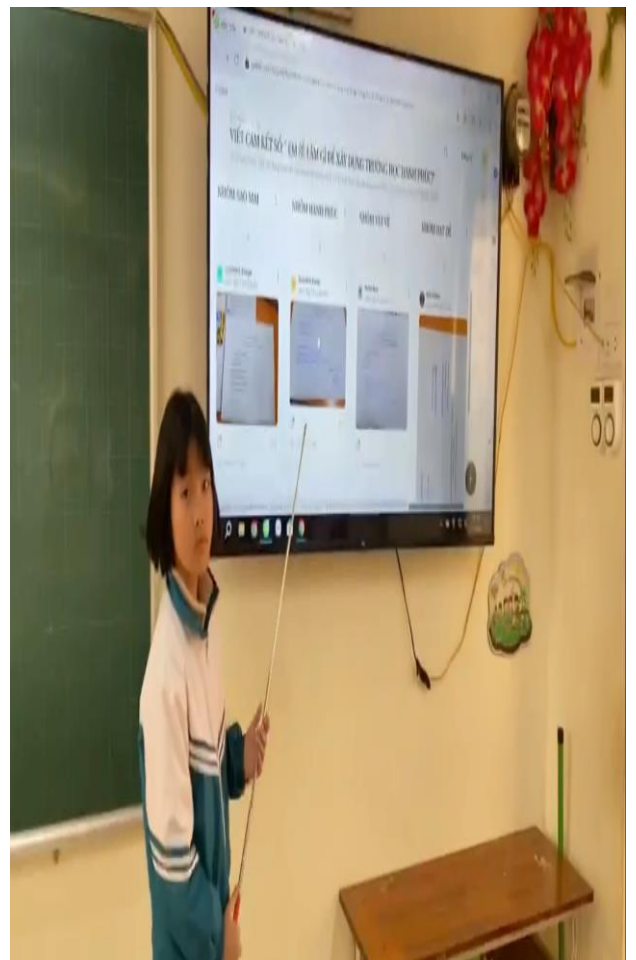
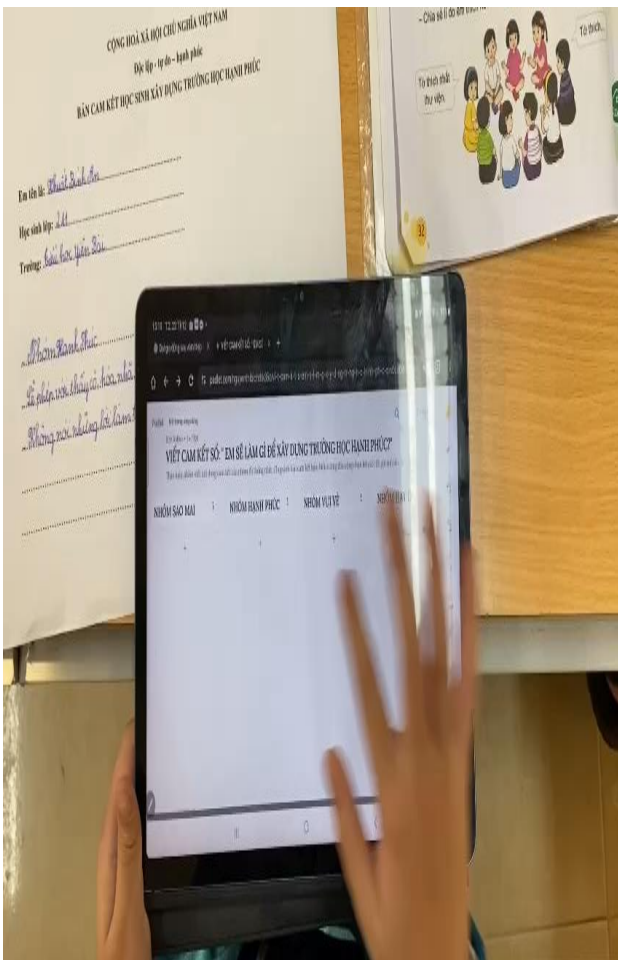
<https://www.youtube.com/watch?si=31eRPIRXF1T2XPl6&v=kABpSeMoo5w&feature=youtu.be>



Bài giảng tập huấn CNTT đối với giáo viên toàn trường và một số hình ảnh tập huấn.



Một số bài giảng có ứng dụng AI, Palet, Quizizz, Classroom, Chat gpt,...



Tổ chức chuyên đề bài dạy minh họa, ứng dụng AI trong dạy học



Tổ chức các cuộc thi qua Internet được giáo viên, học sinh hưởng ứng



Em Nguyễn Trần Hà Anh đạt 1000/1000 điểm cuộc thi Tài năng tin học trẻ cấp xã và tham dự cấp thành phố đạt 918 điểm.

Kho học liệu số của nhà trường

The screenshot shows the homepage of the school's digital resource library. At the top, there is a navigation bar with links for 'XEM CÔNG VĂN', 'HỌC TRỰC TUYẾN', 'XEM CAMERA', 'TRA CỨU ĐIỂM', 'SMAS', and 'RSS'. A search bar is located on the right. The main header features the school's logo and name: 'ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN BÀI TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN BÀI'. Below the header, there is a green navigation bar with categories like 'GIỚI THIỆU', 'CƠ CẤU TỔ CHỨC', 'HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC', 'KHO HỌC LIỆU TRƯỜNG', 'TUYỂN SINH', 'VĂN BẢN CÔNG VĂN', and 'LIÊN HỆ'. The 'KHO HỌC LIỆU TRƯỜNG' menu is expanded, showing sub-categories: 'Học liệu', 'Tài liệu dạy-học', and 'KHỐI 1'. Under 'KHỐI 1', there is a list of resources: 'Sáng kiến kinh nghiệm', 'Kế hoạch bài dạy', 'Bài giảng điện tử', 'Bài giảng E-learning', 'Nội dung khác', and 'Đề kiểm tra'. The main content area displays several thumbnail images with captions, all labeled 'Chính trang khuôn viên trường học'. A sidebar on the left contains 'Hoạt động nhà trường' and 'Nghịệp vụ sự phạm' sections. The footer shows the school's website URL and the date '2:04 PM 4/8/2026'.

The screenshot shows a digital lesson plan page. The navigation bar is similar to the homepage. The main content area is titled 'Bài giảng điện tử' and contains a list of lesson plans. Each entry includes a download icon, a title, a date, a time, a location, and a download count. The entries are: 'Chính trang điện tử', 'Bài 5 Trường học của em (tiết 2)', 'HĐTN - Tuần 27', 'GA TNXH tiết 1 bài 14', and 'Tuần23.HĐTN'. Each entry has a 'Xem chi tiết >' link. On the right side, there are several thumbnail images showing school activities. At the bottom right, there is a 'Thông báo' section with the text: 'QĐ công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán của trường Tiểu học Yên Bài'. The footer shows the school's website URL and the date '2:05 PM 4/8/2026'.

Quản lý hồ sơ số: <https://hsdtruong.qlgd.edu.vn/>

Nghe quyết số 7 x Nghe quyết 71-T x TOÀN VĂN: NG x CƠ SỞ DỮ LIỆU x QUẢN LÝ HỒ SƠ x Giải pháp năng x Hộp thư đến (1) x

hsdtruong.qlgd.edu.vn/Default.aspx

Q.DOC TIỂU HỌC YÊN BÀI [Quản trị đơn vị] Học kỳ II 2025-2026 Hướng dẫn

1. Danh mục 2. Hồ sơ 3. Báo cáo, Thống kê 4. Tra cứu 5. Hệ thống 6. Lịch sử thao tác

8 Hồ sơ chưa trình ký

31 Hồ sơ đang chờ ký

1765 Hồ sơ đã ký duyệt

1765 Hồ sơ đã ban hành

BẢNG TIN

[Danh sách mẫu số đến kỳ nộp](#) [Danh sách mẫu số cần ký duyệt \(2\)](#)

THỐNG KÊ DUNG LƯỢNG

1810 Tổng số hồ sơ bạn đã tải lên

1 GB Dung lượng file đã tải lên

THÔNG BÁO

16/03/2026 Thông báo bổ sung chức năng

12/11/2025 Cập nhật tính năng mới ★★☆☆

1:41 PM 4/15/2026

TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN BÀI QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐIỆN TỬ 2.2.1

hsdtruong.qlgd.edu.vn/NopSo/SoKyDuyet.aspx?data=TUFV/FJBTkdfVehBST0wMQ%3D%3D

Q.DOC TIỂU HỌC YÊN BÀI [Quản trị đơn vị] Học kỳ II 2025-2026 Hướng dẫn

1. Danh mục 2. Hồ sơ 3. Báo cáo, Thống kê 4. Tra cứu 5. Hệ thống 6. Lịch sử thao tác

Trường Phường/Xã Sở **Tiểu học Yên Bài** Tìm kiếm Xuất file

2.2. Số ký duyệt

Thu nhỏ Mở rộng

Kiểu k Kỳ nộp Đối tượng nộp Mở rộng tìm kiếm 3... Chờ ký d... 1... Đã ký d... 0. Chờ đóng ... 6 Từ chối

| STT | Xem | Tên danh mục hồ sơ | Kỳ nộp | Trạng thái hồ sơ | Tên hồ sơ | |
|-----|-----|------------------------------|---|------------------|----------------------------|-----|
| 2 | | Kế hoạch bài dạy + LBG ch... | Tuần 29 (06-04-2026 đến 11-04-2026) HK2 | Đã ký duyệt | KHBD- LBG Tuần 29 | Ngu |
| 3 | | Lịch báo giảng tổ trường | Tuần 29 (06-04-2026 đến 11-04-2026) HK2 | Đã ký duyệt | LBG tuần 29 | Ngu |
| 4 | | Kế hoạch bài dạy + LBG ch... | Tuần 29 (06-04-2026 đến 11-04-2026) HK2 | Đã ký duyệt | LBG+KHBD TUẦN 29 | Trà |
| 5 | | Kế hoạch bài dạy + LBG ch... | Tuần 28 (30-03-2026 đến 04-04-2026) HK2 | Đã ký duyệt | TUẦN 29 | Ngu |
| 6 | | Kế hoạch bài dạy + LBG ch... | Tuần 29 (06-04-2026 đến 11-04-2026) HK2 | Đã ký duyệt | LBG tuần 29 + KHBD tuần 29 | Ngu |

Số dòng/trang 50

Dòng 1 đến 50/1754

2:26 PM 4/8/2026

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018), Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, Hà Nội.
4. Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt “Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”, Hà Nội.
6. Sở Giáo dục và Đào tạo (2025), Hướng dẫn 3526/SGDĐT-GDTH ngày 4/9/2025 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ tiểu học năm học 2025-2026, Hà Nội
7. Phòng Văn hoá xã hội (2025), Hướng dẫn số 187/UBND-VHXXH về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 cấp mầm non, tiểu học, THCS.
8. UBND xã Yên Bài (2025), Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/7/2025 về triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã Yên Bài, Yên Bài.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), Hướng dẫn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6 năm 2025 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), Tài liệu tập huấn cho giáo viên hướng dẫn phát triển năng lực số cho học sinh cấp tiểu học, Hà Nội.

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 1 |
| I. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến | 1 |
| II. Mục đích nghiên cứu | 1 |
| III. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu | 2 |
| B. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN | 2 |
| I. Hiện trạng vấn đề | 2 |
| II. Biện pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề | 5 |
| Biện pháp 1: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo lộ trình rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể. | 6 |
| Biện pháp 2: Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng thực hành – hỗ trợ tại chỗ – phát triển bền vững. | 7 |
| Biện pháp 3: Chỉ đạo xây dựng kho học liệu số và tổ chức dạy học ứng dụng CNTT theo hướng phát huy năng lực học sinh. | 8 |
| Biện pháp 4: Chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá và quản lý hồ sơ chuyên môn bằng công cụ số đảm bảo an toàn thông tin trong nhà trường. | 9 |
| Biện pháp 5: Chỉ đạo tăng cường đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất - thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số. | 11 |
| Biện pháp 6: Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh trong chuyển đổi số, xây dựng môi trường giáo dục số an toàn cho học sinh. | 12 |
| III. Kết quả sau khi áp dụng biện pháp sáng kiến tại đơn vị | 14 |
| IV. Hiệu quả của sáng kiến | 16 |
| 1. Hiệu quả về khoa học | 16 |
| 2. Hiệu quả về kinh tế: | 17 |
| 3. Hiệu quả về xã hội | 17 |
| V. Tính khả thi | 18 |
| VI. Thời gian, kinh phí thực hiện sáng kiến | 19 |
| C. Kiến nghị, đề xuất | 19 |